

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
<b>ĐẾN</b>	Số: 28510.....
	Giờ..... Ngày 21 tháng 8 năm 11.....

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 32
8. Phụ lục	33

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được soát xét bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

**Khái quát về Tập đoàn**

***Công ty mẹ***

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400112623 ngày 17 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau:

- Thay đổi lần 01 ngày 11 tháng 02 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Thay đổi lần 02 ngày 04 tháng 6 năm 2010 và lần 03 ngày 01 tháng 11 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Bà Trương Thị Lệ Khanh	179.650.000.000	38,10
Các cổ đông khác	291.862.730.000	61,90
<b>Cộng</b>	<b>471.512.730.000</b>	<b>100,00</b>

**Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp  
Điện thoại : (84-67) 3891166  
Fax : (84-67) 3891672  
Email : [vh@vinhhoan.com.vn](mailto:vh@vinhhoan.com.vn)  
Mã số thuế : 1400112623

**Các đơn vị trực thuộc:**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại TP. Hồ Chí Minh	569-571-573 (lầu 8,9) Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn là:

- Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản; chế biến thức ăn thủy sản;
- Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản;
- Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản);
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái;
- Sản xuất bao bì giấy, in các loại;
- Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất và mua bán thức ăn thủy sản.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	Số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008	69,80%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	Số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007	100,00%

**Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn trong kỳ**

Doanh thu và lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2011 của Tập đoàn đều tăng so với cùng kỳ năm trước do đơn giá bán và sản lượng bán gia tăng.

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 32).

Trong kỳ, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2011 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng	10.701.748.000 VND
- Trích quỹ phúc lợi	4.280.699.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng vượt kế hoạch cho Ban điều hành	4.000.000.000 VND
<b>Cộng</b>	<b>18.982.447.000 VND</b>

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	01 tháng 4 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	23 tháng 4 năm 2011
Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nghệ	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	23 tháng 4 năm 2011
Bà Hồ Thanh Huệ	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Đặng Văn Viễn	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Trương Tuyết Phương	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2008	-

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn.

**Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Trương Thị Lệ Khanh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2011





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 0804/2011/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các Công ty con (danh sách các Công ty con được trình bày ở Thuyết minh số I.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 22 tháng 8 năm 2011, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**



**Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

**Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0327/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.447.194.210.915</b>	<b>1.180.827.088.551</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>66.281.708.165</b>	<b>126.419.394.330</b>
1. Tiền	111		66.281.708.165	103.419.394.330
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	23.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>71.971.200.360</b>	<b>37.562.972.164</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	71.971.200.360	37.562.972.164
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>549.023.569.511</b>	<b>345.314.077.746</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	435.933.905.599	333.366.537.831
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	108.194.978.200	12.922.329.731
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	7.422.924.252	3.056.076.828
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(2.528.238.540)	(4.030.866.644)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>717.601.753.206</b>	<b>642.317.455.278</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	747.544.173.535	657.405.301.010
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(29.942.420.329)	(15.087.845.732)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>42.315.979.674</b>	<b>29.213.189.033</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1.326.625.629	821.149.166
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.714.254.734	15.975.180.965
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	1.424.224.821	537.381.441
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	20.850.874.490	11.879.477.461

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>664.564.648.257</b>	<b>641.259.325.478</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>587.195.661.398</b>	<b>588.797.962.752</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	520.397.408.922	527.681.392.368
<i>Nguyên giá</i>	222		756.115.516.866	722.995.848.063
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(235.718.107.944)	(195.314.455.695)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	47.973.646.378	48.226.156.602
<i>Nguyên giá</i>	228		49.693.587.301	49.692.887.301
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.719.940.923)	(1.466.730.699)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	18.824.606.098	12.890.413.782
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>77.368.986.859</b>	<b>52.461.362.726</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	49.471.773.107	27.180.901.134
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	10.076.700.030	8.848.344.103
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	17.820.513.722	16.432.117.489
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.111.758.859.172</b>	<b>1.822.086.414.029</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>937.139.045.125</b>	<b>836.972.067.754</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>852.103.965.064</b>	<b>746.457.409.480</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	487.208.253.841	352.351.393.210
2. Phải trả người bán	312	V.19	113.489.880.664	99.195.986.814
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	4.055.429.767	577.547.162
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	30.374.179.330	33.391.496.069
5. Phải trả người lao động	315	V.22	22.211.578.353	30.177.526.068
6. Chi phí phải trả	316	V.23	1.852.082.732	7.933.634.694
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	124.456.212.605	168.538.948.671
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.25	34.550.000.000	34.550.000.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	33.906.347.772	19.740.876.792
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>85.035.080.061</b>	<b>90.514.658.274</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	82.942.312.000	88.869.872.693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.28	2.092.768.061	1.644.785.581
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.117.306.844.162</b>	<b>936.000.963.008</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.117.306.844.162</b>	<b>936.000.963.008</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	471.512.730.000	471.512.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	190.492.000.000	191.808.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.29	(36.897.215.355)	(32.725.310.618)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.29	3.808.007.811	1.799.344.642
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.29	136.774.604	136.774.604
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29	488.254.547.102	303.469.424.380
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>57.312.969.886</b>	<b>49.113.383.267</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.111.758.859.172</b>	<b>1.822.086.414.029</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		1.842.759,10		5.656.325,53	
Euro (EUR)		456,42		438,09	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 8 năm 2011



Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

H H H

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.867.644.757.922	1.477.092.671.272
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	7.786.594.277	931.412.213
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.859.858.163.645	1.476.161.259.059
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.501.237.031.010	1.224.169.723.803
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		358.621.132.635	251.991.535.256
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	68.774.060.615	33.765.661.440
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	57.739.062.564	35.746.816.543
Trong đó: chi phí lãi vay	23		33.233.840.027	22.587.454.346
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	85.382.218.774	94.411.437.369
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	23.619.619.038	26.402.807.802
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		260.654.292.874	129.196.134.981
11. Thu nhập khác	31	VI.7	421.698.149	1.579.842.226
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.740.948.841	133.542.970
13. Lợi nhuận khác	40		(2.319.250.692)	1.446.299.256
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		258.335.042.182	130.642.434.237
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	42.441.771.958	23.505.976.173
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.16	(1.228.355.927)	(1.376.598.528)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>217.121.626.151</u>	<u>108.513.056.592</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		12.111.986.502	1.639.348.757
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		205.009.639.649	106.873.707.835
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>4.461</u>	<u>2.994</u>



Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 22 tháng 8 năm 2011

Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		258.335.042.182	130.642.434.237
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13	40.494.748.573	35.269.674.387
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	13.351.946.493	(5.353.933.210)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	156.173.310	3.772.368.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(7.218.210.420)	(1.905.276.645)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	33.233.840.027	22.587.454.346
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		338.353.540.165	185.012.721.115
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(178.577.539.327)	29.436.777.798
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(77.121.768.869)	(91.405.489.381)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(79.009.226.914)	7.846.132.275
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(22.265.340.254)	838.474.516
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(33.233.840.027)	(22.591.604.463)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(45.831.034.920)	(21.131.658.627)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.26	89.350.000	764.950.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.060.795.830)	(7.611.998.676)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(107.656.655.976)</b>	<b>81.158.304.557</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, V.13, V.14, VII	(51.006.832.780)	(50.721.047.002)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	14.979.459	65.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(37.113.065.763)	(53.063.696.835)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	2.704.837.567	1.110.045.693
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	8.731.241.230	2.227.911.824
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(76.668.840.287)</b>	<b>(100.381.786.320)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.29	-	126.960.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.29	(5.487.904.737)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	1.004.862.841.234	325.392.356.135
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18, V.27	(875.933.541.296)	(507.629.504.007)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29	-	(25.850.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>123.441.395.201</i></u>	<u><i>(55.302.997.872)</i></u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(60.884.101.062)</i>	<i>(74.526.479.635)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>126.419.394.330</i>	<i>209.967.674.177</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>746.414.897</i>	<i>551.848.210</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<u><i>66.281.708.165</i></u>	<u><i>135.993.042.752</i></u>



Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 22 tháng 8 năm 2011

Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### **BẢN THUYẾT MINH** **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ** 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).

- Tổng số các công ty con** : 02  
*Trong đó:*  
**Số lượng các công ty con được hợp nhất** : 02

#### **5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp	69,80%	69,80%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	100,00%	100,00%

- Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong kỳ**  
Doanh thu và lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2011 của Tập đoàn đều tăng so với cùng kỳ năm trước do đơn giá bán và sản lượng bán gia tăng.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo Đồng Việt Nam (VND).

48-C  
TY  
HỮU HẠN  
N VÀ  
N  
CHI N

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

### 4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Tài sản cố định khác	03 - 06

### 8. Tài sản thuê hoạt động

#### *Công ty là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 9. Tài sản cố định vô hình

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo thời gian giao đất.

#### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 05 năm.

### 10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 11. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

#### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### 12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 13. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trả cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

### 14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

### 15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các Công ty trong Tập đoàn.

### 16. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

### 17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD  
30/6/2011 : 20.618 VND/USD

### 20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.431.317.670	4.991.498.222
Tiền gửi ngân hàng	62.850.390.495	87.041.765.338
Tiền đang chuyển	-	11.386.130.770
Các khoản tương đương tiền (*)	-	23.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>66.281.708.165</b>	<b>126.419.394.330</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm (*)	35.252.822.178	32.197.256.415
Cho Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang vay	31.057.500.000	-
Cho Ông Phan Ngọc Ân vay	5.660.878.182	5.365.715.749
<b>Cộng</b>	<b><u>71.971.200.360</u></b>	<b><u>37.562.972.164</u></b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 32 tỷ đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

### 3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	180.592.522.982	149.395.587.811
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	99.975.524.619	36.854.446.317
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	155.365.857.998	147.116.503.703
<b>Cộng</b>	<b><u>435.933.905.599</u></b>	<b><u>333.366.537.831</u></b>

Một số khoản phải thu trị giá 85 tỷ đồng đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

### 4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	101.721.507.404	12.808.234.185
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	6.473.470.796	114.095.546
<b>Cộng</b>	<b><u>108.194.978.200</u></b>	<b><u>12.922.329.731</u></b>

### 5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền ủy thác xuất khẩu	6.117.871.482	-
Lãi cho vay phải thu	552.600.000	2.066.879.098
Các khoản phải thu khác	752.452.770	989.197.730
<b>Cộng</b>	<b><u>7.422.924.252</u></b>	<b><u>3.056.076.828</u></b>

### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Khoản dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	4.030.866.644
Hoàn nhập trong kỳ	<u>(1.502.628.104)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.528.238.540</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	20.721.600.000	192.983.833.928
Nguyên liệu, vật liệu	229.171.626.905	158.607.701.186
Công cụ, dụng cụ	3.310.800.849	2.591.995.474
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	267.890.746.988	207.797.886.346
Thành phẩm	224.328.982.354	83.491.197.528
Hàng hóa	1.015.611.068	486.130.764
Hàng gửi đi bán	1.104.805.371	11.446.555.784
<b>Cộng</b>	<b><u>747.544.173.535</u></b>	<b><u>657.405.301.010</u></b>

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm có giá trị là 165 tỷ đồng đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

### 8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.555.620.488	337.367.454
Công cụ, dụng cụ	32.096.725	22.003.532
Thành phẩm	27.354.703.116	14.728.474.746
<b>Cộng</b>	<b><u>29.942.420.329</u></b>	<b><u>15.087.845.732</u></b>

*Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:*

Số đầu năm	15.087.845.732
Trích lập dự phòng	14.854.574.597
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>29.942.420.329</u></b>

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	821.149.166
Tăng trong kỳ	1.715.800.869
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	<u>(1.210.324.406)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.326.625.629</u></b>

### 10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	-	5.684.687
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu nộp thừa	1.424.224.821	531.696.754
<b>Cộng</b>	<b><u>1.424.224.821</u></b>	<b><u>537.381.441</u></b>

### 11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	20.100.843.939	11.190.533.994
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	750.030.551	688.943.467
<b>Cộng</b>	<b><u>20.850.874.490</u></b>	<b><u>11.879.477.461</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	281.924.894.926	422.398.368.510	16.285.634.584	2.386.950.043	722.995.848.063
Tăng trong kỳ	4.606.075.611	26.981.714.336	1.427.564.135	119.294.180	33.134.648.262
Mua sắm mới	2.242.212.500	20.400.971.780	1.427.564.135	55.217.042	24.125.965.457
Đầu tư xây dựng hoàn thành	-	6.580.742.556	-	-	6.580.742.556
Tăng khác	2.363.863.111	-	-	64.077.138	2.427.940.249
Thanh lý, nhượng bán	-	(14.979.459)	-	-	(14.979.459)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>286.530.970.537</b>	<b>449.365.103.387</b>	<b>17.713.198.719</b>	<b>2.506.244.223</b>	<b>756.115.516.866</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.220.059.585	21.694.195.685	891.183.056	344.261.034	25.149.699.360
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	37.430.970.248	150.953.454.892	5.847.268.087	1.082.762.468	195.314.455.695
Tăng trong kỳ	9.171.921.567	29.543.284.159	1.402.276.921	287.417.890	40.404.900.537
Khấu hao trong kỳ	9.024.180.169	29.543.284.159	1.402.276.921	271.797.100	40.241.538.349
Tăng khác	147.741.398	-	-	15.620.790	163.362.188
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.248.288)	-	-	(1.248.288)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>46.602.891.815</b>	<b>180.495.490.763</b>	<b>7.249.545.008</b>	<b>1.370.180.358</b>	<b>235.718.107.944</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	244.493.924.678	271.444.913.618	10.438.366.497	1.304.187.575	527.681.392.368
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>239.928.078.722</b>	<b>268.869.612.624</b>	<b>10.463.653.711</b>	<b>1.136.063.865</b>	<b>520.397.408.922</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 335.750.738.229 VND và 229.958.090.525 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	48.943.591.501	749.295.800	49.692.887.301
Mua trong kỳ	700.000	-	700.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>48.944.291.501</b>	<b>749.295.800</b>	<b>49.693.587.301</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	126.500.596	126.500.596

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	994.510.321	472.220.378	1.466.730.699
Khấu hao trong kỳ	190.930.704	62.279.520	253.210.224
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.185.441.025</b>	<b>534.499.898</b>	<b>1.719.940.923</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	47.949.081.180	277.075.422	48.226.156.602
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>47.758.850.476</b>	<b>214.795.902</b>	<b>47.973.646.378</b>

Một số quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 22.568.847.901 VND và 21.383.406.876 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua tài sản cố định	5.610.388.946	4.901.566.553	(6.580.742.556)	-	3.931.212.943
Xây dựng cơ bản dở dang	6.547.843.680	5.641.780.351	-	(531.008.182)	11.658.615.849
<i>Công trình nhà xưởng số 1</i>	<i>75.386.075</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>75.386.075</i>
<i>Công trình nhà xưởng số 3</i>	<i>1.920.571.250</i>	<i>387.450.952</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>2.308.022.202</i>
<i>Chi phí đào ao nuôi cá</i>	<i>3.453.548.173</i>	<i>5.254.329.399</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>8.707.877.572</i>
<i>Các công trình khác</i>	<i>1.098.338.182</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(531.008.182)</i>	<i>567.330.000</i>
Chi phí sửa chữa TSCĐ	732.181.156	2.502.596.150	-	-	3.234.777.306
<b>Cộng</b>	<b>12.890.413.782</b>	<b>13.045.943.054</b>	<b>(6.580.742.556)</b>	<b>(531.008.182)</b>	<b>18.824.606.098</b>

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ	9.257.878.803	4.391.970.941	(2.090.238.796)	11.559.610.948
Tiền thuê đất	17.923.022.331	21.835.512.955	(1.846.373.127)	37.912.162.159
<b>Cộng</b>	<b>27.180.901.134</b>	<b>26.227.483.896</b>	<b>(3.936.611.923)</b>	<b>49.471.773.107</b>

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	8.848.344.103
Phát sinh trong kỳ	1.228.355.927
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.076.700.030</b>

**17. Tài sản dài hạn khác**

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.





## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 18. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	482.708.253.841	346.351.393.210
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) <sup>(a)</sup>	118.032.149.964	29.400.329.580
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(b)</sup>	196.676.103.877	118.151.063.630
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp <sup>(c)</sup>	168.000.000.000	198.800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.27)	4.500.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>487.208.253.841</u></b>	<b><u>352.351.393.210</u></b>

- (a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số nguyên vật liệu, thành phẩm trong kho trị giá 165 tỷ đồng và một số khoản phải thu trị giá 85 tỷ đồng.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.
- (c) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, một số công trình trên đất thuộc phân xưởng 3 và bằng việc cầm cố 2 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

#### *Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:*

Số đầu năm	352.351.393.210
Số tiền vay phát sinh	1.004.862.841.234
Số tiền vay đã trả	<u>(870.005.980.603)</u>
Số cuối kỳ	<b><u>487.208.253.841</u></b>

### 19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	63.877.654.114	60.502.117.769
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn I	49.506.043.850	38.443.228.295
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	106.182.700	250.640.750
<b>Cộng</b>	<b><u>113.489.880.664</u></b>	<b><u>99.195.986.814</u></b>

### 20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	3.912.166.982	577.547.162
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn I	143.262.785	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.055.429.767</u></b>	<b><u>577.547.162</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.242.639.066	(1.242.639.066)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	(5.684.687)	15.769.091.363	(15.756.215.342)	7.191.334
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(531.696.754)	5.500.363.588	(6.392.891.655)	(1.424.224.821)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.105.222.039	42.441.771.958	(45.831.034.920)	29.715.959.077
Thuế thu nhập cá nhân	286.274.030	1.515.634.617	(1.150.879.728)	651.028.919
Thuế nhà đất	-	386.399.989	(386.399.989)	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>32.854.114.628</b>	<b>66.861.900.581</b>	<b>(70.766.060.700)</b>	<b>28.949.954.509</b>

(\*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh V.10).

#### Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu 0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến 5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu 10%

#### Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.
- Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

#### Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

### 22. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 và khoản trích lương tháng 13 phải trả người lao động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****23. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả cho luật sư	-	4.545.261.990
Chi phí khác	1.852.082.732	3.388.372.704
<b>Cộng</b>	<b><u>1.852.082.732</u></b>	<b><u>7.933.634.694</u></b>

**24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.075.904.061	1.693.839.082
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	955.668.196	554.638.042
Cổ tức phải trả	45.400.000	45.400.000
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	13.125.777.985	-
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	105.303.589.416	-
Các khoản phải trả khác	2.949.872.947	166.245.071.547
<b>Cộng</b>	<b><u>124.456.212.605</u></b>	<b><u>168.538.948.671</u></b>

**25. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến POR 7 và POR 8.

**26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Số đầu năm	19.740.876.792
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	20.761.916.810
Tăng khác	89.350.000
Chi quỹ trong kỳ	(6.685.795.830)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>33.906.347.772</u></b>

**27. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(a)</sup>	19.200.000.000	23.627.560.693
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp <sup>(b)</sup>	63.742.312.000	65.242.312.000
<b>Cộng</b>	<b><u>82.942.312.000</u></b>	<b><u>88.869.872.693</u></b>

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất bằng lãi suất cho vay dài hạn VND công bố trừ 0,5% cho khoản vay bằng VND để xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (phân xưởng 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc dự án bao gồm máy móc, thiết bị, công trình xây dựng và quyền sử dụng đất của khu đất 17.186,5 m<sup>2</sup>.

(b) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với lãi suất 17,3%/năm để đầu tư dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:**

Từ 1 năm trở xuống	4.500.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	82.942.312.000
<b>Tổng nợ</b>	<b>87.442.312.000</b>

**Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản vay dài hạn như sau:**

Số đầu năm	88.869.872.693
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(5.927.560.693)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>82.942.312.000</b>

**28. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm	1.644.785.581
Số trích lập trong kỳ	573.097.480
Số chi trong kỳ	(125.115.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.092.768.061</b>

**29. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 33.

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273	47.151.273
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273	47.151.273
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.052.920
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750	1.052.920
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523	46.098.353
- Cổ phiếu phổ thông	45.952.523	46.098.353
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.867.644.757.922	1.477.092.671.272
- Doanh thu bán hàng hóa	83.976.646.707	280.828.208.515
- Doanh thu bán thành phẩm	1.453.584.709.574	1.025.183.253.222
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.326.636.027	38.889.171
- Doanh thu nguyên vật liệu	121.715.666.645	16.973.395.278
- Doanh thu phụ phẩm	188.041.098.969	154.068.925.086
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(7.786.594.277)	(931.412.213)
- Giảm giá hàng bán	(67.191.505)	(97.123.445)
- Hàng bán bị trả lại	(7.719.402.772)	(834.288.768)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.859.858.163.645</b>	<b>1.476.161.259.059</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	82.983.849.542	280.823.525.947
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.446.790.912.462	1.024.256.523.577
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	20.326.636.027	38.889.171
- Doanh thu thuần nguyên vật liệu	121.715.666.645	16.973.395.278
- Doanh thu thuần phụ phẩm	188.041.098.969	154.068.925.086

**2. Giá vốn hàng bán**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa	52.310.035.684	258.265.469.291
Giá vốn của thành phẩm	1.177.048.122.506	831.838.358.379
Giá vốn của nguyên vật liệu	117.193.136.978	15.279.000.275
Giá vốn của phụ phẩm	139.831.161.245	126.414.747.755
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	14.854.574.597	(7.627.851.897)
<b>Cộng</b>	<b>1.501.237.031.010</b>	<b>1.224.169.723.803</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.927.850.017	996.115.991
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	332.168.924	412.951.103
Lãi cho vay	623.223.543	904.095.833
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	665.888.572	1.862.535.422
Lãi bán hàng trả chậm	4.032.636.132	5.644.539.569
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	57.192.293.427	23.945.423.522
<b>Cộng</b>	<b>68.774.060.615</b>	<b>33.765.661.440</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	33.233.840.027	22.587.454.346
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	156.173.310	3.772.368.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.349.049.227	9.386.994.197
<b>Cộng</b>	<b>57.739.062.564</b>	<b>35.746.816.543</b>

### 5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.292.791.713	2.210.265.331
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	254.101.000	50.720.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.697.443	40.315.890
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.215.462.020	63.580.271.823
Chi phí khác	35.555.166.598	28.529.863.406
<b>Cộng</b>	<b>85.382.218.774</b>	<b>94.411.437.369</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	10.833.598.623	8.575.899.156
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	490.569.464	272.171.372
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.871.073.872	1.617.286.627
Thuế, phí và lệ phí	1.093.637.339	275.251.570
Chi phí dự phòng	(1.854.627.667)	2.271.107.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.319.411.231	1.952.417.287
Chi phí khác	7.865.956.176	11.438.673.857
<b>Cộng</b>	<b>23.619.619.038</b>	<b>26.402.807.802</b>

### 7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	14.979.459	65.000.000
Thu nhập khác	406.718.690	1.514.842.226
<b>Cộng</b>	<b>421.698.149</b>	<b>1.579.842.226</b>

### 8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	13.731.171	59.935.179
Chi phí khác	2.727.217.670	73.607.791
<b>Cộng</b>	<b>2.740.948.841</b>	<b>133.542.970</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	205.009.639.649	106.873.707.835
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	205.009.639.649	106.873.707.835
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	45.955.326	35.694.099
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.461</b>	<b>2.994</b>

(\*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	46.098.353	32.568.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	2.183.889
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong kỳ từ lợi nhuận chưa phân phối năm trước	-	942.210
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(143.027)	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>45.955.326</b>	<b>35.694.099</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### Các giao dịch không bằng tiền

Số dư công nợ về mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	4.864.413.013	1.265.153.137
Ứng trước mua tài sản cố định	25.175.925.555	7.742.441.410

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

#### Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Hội đồng quản trị và Ban điều hành</b>		
Mua nguyên liệu	21.319.371.440	15.027.266.150
Bán hàng hóa	115.437.661	85.820.563
<b>Các cá nhân có liên quan</b>		
Mua nguyên liệu	11.108.071.100	12.933.191.700
Bán hàng hóa	395.769.521	191.566.063

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	6.995.754.189	5.613.467.744
Các cá nhân có liên quan	9.729.795.700	93.385.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>16.725.549.889</b>	<b>5.706.852.744</b>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	10.304.633.600	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>10.304.633.600</b>	<b>-</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 3.565.307.000 VND (kỳ trước là 2.342.084.000 VND).

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	11.328.280.922	210.977.578.117
Bán nguyên liệu, hàng hóa, thành phẩm	12.295.507.246	11.615.540.329
Ủy thác xuất khẩu	6.117.871.482	-
Nhận ủy thác xuất khẩu	47.932.445.105	-
<b>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</b>		
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	14.633.380.134	-
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	126.805.820.790	99.393.904.640
Cung cấp dịch vụ	16.911.363.803	-
Nhận ủy thác xuất khẩu	244.266.086.870	-
Cho vay ngắn hạn	31.057.500.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</b>		
Phải thu tiền hàng	200.000.000	1.079.294.941
Phải thu tiền ủy thác xuất khẩu	6.117.871.482	-
<b>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</b>		
Phải thu tiền hàng	53.801.139.877	18.405.206.907
Phải thu tiền cho vay	31.057.500.000	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>91.176.511.359</b>	<b>19.484.501.848</b>
<b>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</b>		
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	4.762.739.500	-
Phải trả tiền hàng ủy thác xuất khẩu	13.125.777.985	65.161.572.388



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền hàng ủy thác xuất khẩu	105.303.589.416	99.820.646.049
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>123.192.106.901</b>	<b>164.982.218.437</b>

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### *Khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	1.348.117.568.814	1.147.090.966.588
Trong nước	511.740.594.831	329.070.292.471
<b>Cộng</b>	<b>1.859.858.163.645</b>	<b>1.476.161.259.059</b>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

### 3. Thuê hoạt động

#### *Các hợp đồng đi thuê*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.938.969.870	1.792.975.758
Trên 01 năm đến 05 năm	5.077.848.696	5.532.543.288
Trên 05 năm	1.515.436.830	1.608.435.371
<b>Cộng</b>	<b>8.532.255.396</b>	<b>8.933.954.417</b>

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 8 năm 2011

  
Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng



  
Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm nay	325.680.000.000	92.448.000.000	-	861.407.971	136.774.604	223.193.216.695	642.319.399.270
Trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	(15.526.034.445)	(15.526.034.445)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	-	937.936.671	-	-	937.936.671
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thường cho nhân viên	9.422.100.000	-	-	-	-	(9.422.100.000)	-
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	108.810.630.000	-	-	-	-	(108.810.630.000)	-
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	27.600.000.000	99.360.000.000	-	-	-	-	126.960.000.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(32.725.310.618)	-	-	-	(32.725.310.618)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	214.034.972.130	214.034.972.130
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>471.512.730.000</b>	<b>191.808.000.000</b>	<b>(32.725.310.618)</b>	<b>1.799.344.642</b>	<b>136.774.604</b>	<b>303.469.424.380</b>	<b>936.000.963.008</b>
Số dư đầu năm nay	471.512.730.000	191.808.000.000	(32.725.310.618)	1.799.344.642	136.774.604	303.469.424.380	936.000.963.008
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(1.316.000.000)	-	-	-	-	(1.316.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	205.009.639.649	205.009.639.649
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	(20.224.516.927)	(20.224.516.927)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(4.171.904.737)	-	-	-	(4.171.904.737)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	-	2.008.663.169	-	-	2.008.663.169
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>471.512.730.000</b>	<b>190.492.000.000</b>	<b>(36.897.215.355)</b>	<b>3.808.007.811</b>	<b>136.774.604</b>	<b>488.254.547.101</b>	<b>1.117.306.844.161</b>



Đồng Tháp, ngày 22 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thị Kim Đào  
 Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh  
 Tổng Giám đốc